



**Phụ lục 17**  
 (Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2010/TT-BCT  
 ngày 28/6/2010 của Bộ Công Thương)  
**CÔNG TY TNHH TM DV KHÁNH AN SÀI GÒN**

**PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT**

<b>Phiếu an toàn hóa chất</b>	<b>Logo của doanh nghiệp</b> (không bắt buộc)
<b>SODIUM LAURYL ETHER SULFATE</b>	
Số CAS: 68585-34-2 Số UN: không có thông tin Số đăng ký EC: không có thông tin Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có): Số đăng ký danh mục Quốc gia khác (nếu có):	

**I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT**

- Tên thường gọi của chất: Sodium Lauryl Ether Sulfate	Mã sản phẩm nếu có
- Tên thương mại: SLES	
- Tên khác (không là tên khoa học): không có thông tin	
- Tên nhà cung cấp hoặc nhập khẩu, địa chỉ:	Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp: <b>Công ty TNHH TM DV XNK Khánh An Sài Gòn</b> <b>30/17 Đường HT 31, KP 1, P.Hiệp Thành, Quận 12, TP HCM</b> <b>ĐT: 08.6683.3399</b> <b>Fax: 08.6250.7935</b>
- Tên nhà sản xuất và địa chỉ:	
- Mục đích sử dụng: SLES là chất hoạt động bề mặt, được sử dụng trong nhiều sản phẩm mỹ phẩm.	

**PHẦN II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT**

Tên thành phần nguy hiểm	Số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (% theo trọng lượng)
Sodium Lauryl Ether Sulfate	68585- 34 2	$CH_3(CH_2)_{10}CH_2(OCH_2CH_2)_nOSO_3Na$	>60 %
Thành phần 2 (nếu có)			
Thành phần 3 (nếu có)			

**III. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT**

<p><b>1. Mức xếp loại nguy hiểm</b> (theo số liệu hợp lệ có sẵn của các quốc gia, tổ chức thử nghiệm; Ví dụ: EU, Mỹ, OSHA... ): không có thông tin</p> <p><b>2. Cảnh báo nguy hiểm:</b> không có thông tin</p> <p><b>3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đường mắt: gây kích ứng mắt</li> <li>- Đường thở: thở vào sương dầu hoặc bụi có thể gây kích ứng đường hô hấp</li> </ul>
---



- Đường da : gây kích ứng da. Sẽ có một hành động tẩy dầu mỡ trên da. Lặp đi lặp lại hoặc kéo dài tiếp xúc với da có thể dẫn đến viêm da tiếp xúc kích ứng, có thể gây mẫn cảm da trong những người nhạy cảm. Lặp đi lặp lại hoặc kéo dài da liên hệ có thể dẫn đến viêm da tiếp xúc dị ứng
- Đường tiêu hóa: nuốt phải có thể gây kích ứng đường tiêu hóa.

#### IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

- 1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt** (bị văng, dây vào mắt): ngay lập tức rửa mắt với thật nhiều nước trong thời gian ít nhất 15 phút. Nếu cảm thấy khó chịu tìm ngay đến chăm sóc y tế.
- 2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da** (bị dây vào da): ngay lập tức rửa vùng da bị nhiễm bẩn với nước sạch và xà phòng, cởi bỏ tất cả quần áo bị nhiễm bẩn. Nếu xung tấy, đỏ phỏng rộp hoặc dị ứng xảy ra, tìm ngay đến trợ giúp y tế.
- 3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp (hít thở phải hóa chất nguy hiểm dạng hơi, khí):** di chuyển nạn nhân từ nơi tiếp xúc đến nơi có không khí trong lành, tránh trở thành nạn nhân. Tìm kiếm y tế nếu tác dụng kéo dài.
- 4. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa (ăn, uống nuốt nhầm hóa chất):** súc miệng bằng nước, nếu nuốt phải không gây ói mửa, cho nạn nhân uống một ly nước. tìm kiếm sự tư vấn y tế.
- 5. Lưu ý đối với bác sĩ điều trị (nếu có):** điều trị theo triệu chứng.

#### V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

- 1. Xếp loại về tính cháy** (dễ cháy, rất dễ cháy hoặc cực kỳ dễ cháy, không cháy, khó cháy): không gây cháy.
- 2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy:** không có thông tin
- 3. Các tác nhân gây cháy, nổ** (tia lửa, tĩnh điện, nhiệt độ cao, va đập, ma sát...): không có thông tin
- 4. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác:** sử dụng bột bình thường, đại lý khô, cacbon dioxide, hóa chất khô, bột.
- 5. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy:** mặc đầy đủ quần áo bảo hộ và thiết bị thở khép kín.
- 6. Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ** (nếu có): không có thông tin

#### VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

- **Thủ tục khẩn cấp, biện pháp phòng ngừa môi trường:** Rõ ràng diện tích của tất cả các nhân viên bảo vệ. Nếu ô nhiễm của công hoặc kênh rạch đã xảy ra tư vấn cho địa phương.
- Cảnh báo cá nhân, thiết bị bảo vệ, các phương pháp và vật liệu làm sạch:
  - + Trơn, khi đổ. Tránh tai nạn, phải lau sạch ngay.
  - + Mang dụng cụ bảo vệ ngăn chặn làn da và mắt tiếp xúc.
  - + Hốt- ngăn chặn chảy vào cống và đường thủy.
  - + Sử dụng thấm (đất cát hoặc vật liệu trợ khác).

#### VII. YÊU CẦU VỀ CÁT GIỮ

- 1. Lưu trữ:** lưu trữ ở nơi khô ráo, thông gió tốt, kiểm tra rò rỉ thường xuyên. Tránh ánh nắng trực tiếp.
- 2. Xử lý an toàn:** tránh tiếp xúc với da và mắt và hơi thở trong hơi nước, sương và sol khí.

#### III. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN



**1. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết** (thông gió hoặc biện pháp giảm nồng độ hơi, khí trong khu vực làm việc, các biện pháp cách ly, hạn chế thời giờ làm việc...): thông gió tự nhiên nên được đầy đủ điều kiện sử dụng bình thường. Giữ container đóng lại khi không sử dụng.

**2. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc**

- Bảo vệ mắt : mang kính an toàn hóa chất.
- Bảo vệ thân thể : Mặc quần áo và yếm bảo hộ thích hợp
- Bảo vệ tay : Bao tay/ găng tay dài chống hóa chất.
- Bảo vệ chân: mang giày bảo hộ thích hợp

**3. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố:** không có thông tin

**4. Các biện pháp vệ sinh** (tắm, khử độc...): bồn rửa mặt và vòi tắm

### IX. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái vật lý: dạng sệt (gel)	Điểm sôi ( $^{\circ}\text{C}$ ): không có sẵn
Màu sắc: không màu đến vàng nhạt	Điểm nóng chảy ( $^{\circ}\text{C}$ ): không có sẵn
Mùi đặc trưng: mùi được trung	Điểm bùng cháy ( $^{\circ}\text{C}$ ) (Flash point) theo phương pháp xác định: không có sẵn
Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: không có sẵn	Nhiệt độ tự cháy ( $^{\circ}\text{C}$ ): không có sẵn
Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: không có sẵn	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí): không có sẵn
Độ hòa tan trong nước: hòa tan trong nước	Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí): không có sẵn
Độ PH: 7.0- 10.5	Tỷ lệ hóa hơi: không có sẵn
Khối lượng riêng ( $\text{kg/m}^3$ ): không có sẵn	Các tính chất khác nếu có

### X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT

**1. Tính ổn định** (độ bền nhiệt, độ nhạy với tác nhân ma sát, va đập...): ổn định bình thường xung quanh là lưu trữ dự kiến và điều kiện xử lý nhiệt độ áp suất.

**2. Khả năng phản ứng:**

- Phản ứng phân hủy và sản phẩm của phản ứng phân hủy : không có thông tin
- Các phản ứng nguy hiểm (ăn mòn, cháy, nổ, phản ứng với môi trường xung quanh): không có thông tin
- Các chất (có phản ứng sinh nhiệt, khí độc hại, các chất không bảo quản chung...): tránh tiếp xúc với nhiệt
- Phản ứng trùng hợp : không có thông tin

### XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Tên thành phần	Loại ngưỡng	Kết quả	Đường tiếp xúc	Sinh vật thử
Thành phần 1 Sodium Lauryl ether sulfate		KHÔNG CÓ THÔNG TIN		
Thành phần 2 (nếu có)				
Thành phần 3 (nếu có)				

**1. Các ảnh hưởng mãn tính với người** (Ung thư, độc sinh sản, biến đổi gen...): không phải là chất gây ung thư.

**2. Các ảnh hưởng độc khác:** không có thông tin

### XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI



1. Độc tính với sinh vật			
Tên thành phần	Loài sinh vật	Chu kỳ ảnh hưởng	Kết quả
Sodium lauryl ether sulfate	KHÔNG CÓ THÔNG TIN		
Thành phần 2 (nếu có)			
Thành phần 3 (nếu có)			
Thành phần 4 (nếu có)			
2. Tác động trong môi trường			
- Mức độ phân hủy sinh học : tránh ô nhiễm nguồn nước			
- Chỉ số BOD và COD: không có thông tin			
- Sản phẩm của quá trình phân hủy sinh học : không có thông tin			
- Mức độc tính của sản phẩm phân hủy sinh học: không có thông tin.			

XIII. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ			
<b>1. Thông tin quy định tiêu hủy</b> (thông tin về luật pháp): tham khảo chính quyền địa phương kiến nghị xử lý. vớt bỏ theo ý kiến địa phương, khu vực, quốc gia và quốc tế.			
<b>2. Xếp loại nguy hiểm của chất thải :</b> không có thông tin			
<b>3. Biện pháp tiêu hủy :</b> không có thông tin			
<b>4. Sản phẩm của quá trình tiêu hủy, biện pháp xử lý:</b> không có thông tin			

XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN						
Tên quy định	Số UN	Tên vận chuyển đường biển	Loại, nhóm hàng nguy hiểm	Quy cách đóng gói	Nhãn vận chuyển	Thông tin bổ sung
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm của Việt Nam: - Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009 của Chính phủ quy định Danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; - Nghị định số 29/2005/NĐ-CP ngày 10/3/2005 của CP quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm và việc vận tải hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội	KHÔNG CÓ THÔNG TIN					

địa.						
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm quốc tế của EU, USA ...						

### XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ

1. **Tình trạng khai báo, đăng ký ở các quốc gia khu vực trên thế giới** (liệt kê các danh mục quốc gia đã tiến hành khai báo, tình trạng khai báo)
2. **Phân loại nguy hiểm theo quốc gia khai báo, đăng ký**
3. **Quy chuẩn kỹ thuật tuân thủ.**

### XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Ngày tháng biên soạn Phiếu: 20-01-2014

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 09-06-2016

Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo: Công ty TNHH TM DV XNK Khánh An Sài Gòn

Lưu ý người đọc:

Những thông tin trong Phiếu an toàn hóa chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hóa chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.

Hóa chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc.

**CÔNG TY TNHH TM DV KHÁNH AN SÀI GÒN**

**Giám đốc**



*Lê Hoàng Mi Sa*